SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
AN GIANG
TRƯỜNG TRUNG CẤP KỸ THUẬT-TỔNG HỢP AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B1OLV** Năm học: **23-24**

Mã MH/MĐ: **MH04138** Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Luật Hình sự và Tố tụng HS**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801011205	Đặng Văn Bé	Ba	30/04/1989			8.5	6	7.0					6.5		6.8
2	2253801011206	Lê Bình	Chiến	10/04/1990			8.5	6	7.0					7.0		7.1
3	2253801011207	Trần Ngọc	Diễn	17/01/1984			8.5	6	7.0					5.0		5.9
4	2253801011208	Nguyễn Hoàng	Giang	12/12/1993			8.5	6	7.5					7.0		7.2
5	2253801011209	Trần Nhật	Hào	17/10/1999			7	5	6.0					7.0		6.6
6	2253801011210	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	12/03/1987			9.5	8	8.0					8.0		8.2
7	2253801011211	Trần Công	Hậu	19/01/1991			8.5	6	7.0					7.5		7.4
8	2253801011212	Nguyễn Văn	Hết	18/04/1979			8.5	6	5.0					8.0		7.3
9	2253801011213	Kha Văn	Hòa	08/04/1971			8	5	5.0					8.0		7.1
10	2253801011214	Mai Thanh	Hoàng	01/01/1982			8.5	5	5.0					7.0		6.6
11	2253801011215	Nguyễn Thị	Huệ	20/11/1992			5	6	6.0					6.5		6.2
12	2253801011217	Huỳnh Văn	Khải	02/08/1992			9.5	7	7.0					8.0		7.9
13	2253801011218	Trần Thị	Liên	23/04/1992			8.5	6	6.0					6.0		6.3
14	2253801011219	Phan Thị	Liễu	10/01/1984			8.5	6	6.0					7.0		6.9
15	2253801011220	Nguyễn Huy	Long	02/03/1988			9.5	8	9.0					9.0		9.0
16	2253801011221	Trần Văn	Ngà	30/04/1989			9	7	7.0					7.0		7.2
17	2253801011222	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	28/12/1993			8	6.5	7.0					6.5		6.8
18	2253801011225	Lê Văn	Quí	21/09/1974			8	6	6.0					8.0		7.4
19	2253801011226	Trần Hữu	Sang	19/01/1989			7	5	5.0					7.0		6.4

Châu Đốc, ngày 4 tháng 5 năm 2024

TP. Đào tạo **Giáo viên giảng dạy**

Ths. Trần Thanh Dũng **Thạch Bền**